

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Đầu tư hệ thống cấp nước khu vực Bàu Bàng công suất 320.000 m³/ngày
đêm, nâng tổng công suất lên 350.000 m³/ngày đêm - Giai đoạn 1: Công suất
100.000 m³/ngày đêm”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần nước Thủ Dầu Một tại Văn bản số 202/CPNTDM-BB ngày 12 tháng 8 năm 2025.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư hệ thống cấp nước khu vực Bàu Bàng công suất 320.000 m³/ngày đêm, nâng tổng công suất lên 350.000 m³/ngày đêm – Giai đoạn 1: Công suất 100.000 m³/ngày đêm” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần nước Thủ Dầu Một (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bàu Bàng và xã Trù Văn Thố, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường,

được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công ty Cổ phần nước Thủ Dầu Một;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở NN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, BPMC, VH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“ĐẦU TƯ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC KHU VỰC BÀU BÀNG CÔNG SUẤT
320.000 M³/NGÀY ĐÊM, NÂNG TỔNG CÔNG SUẤT LÊN 350.000 M³/NGÀY ĐÊM
- GIAI ĐOẠN 1: CÔNG SUẤT 100.000 M³/NGÀY ĐÊM)”
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Dự án “Đầu tư hệ thống cấp nước khu vực Bầu Bàng công suất 320.000 m³/ngày đêm, nâng tổng công suất lên 350.000 m³/ngày đêm - Giai đoạn 1: Công suất 100.000 m³/ngày đêm”.

- Địa điểm thực hiện Dự án: xã Bầu Bàng và xã Trừ Văn Thố, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là thị trấn Lai Uyên và xã Trừ Văn Thố, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương).

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần nước Thủ Dầu Một; địa chỉ liên hệ: 11B Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Dự án “Hệ thống cấp nước khu vực Bầu Bàng công suất 30.000 m³/ngày đêm” đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Bầu Bàng cấp Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 14/GXN-UBND ngày 06/4/2016; Nhà máy nước Bầu Bàng công suất 30.000 m³/ngày đêm đã đăng ký môi trường tại UBND thị trấn Lai Uyên (được tiếp nhận theo Văn bản số 229/UBND-KT ngày 31/7/2024); dự án “Hệ thống cấp nước Bầu Bàng - đường ống cấp nước thô D2500mm dọc theo hành lang suối Bầu Lòng” đã đăng ký môi trường tại xã Trừ Văn Thố (được tiếp nhận tại Văn bản số 86/UBND-KT ngày 10/8/2023).

- Nhà máy nước Bầu Bàng đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy phép khai thác nước mặt số 203/GP-BNNMT ngày 19/6/2025, trong đó, từ năm 2031 đến khi hết hạn Giấy phép là ngày 18/6/2035 lưu lượng khai thác lớn nhất là 130.000 m³/ngày đêm.

- Dự án được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần nước Thủ Dầu Một quyết định đầu tư tại Quyết định số 190/QĐ-HĐQT ngày 16/9/2024.

1.2. Quy mô, công suất

- Tổng diện tích đất của Dự án là 325.433,3 m², trong đó đất xây khu vực nhà máy nước có diện tích 174.441 m²; đất xây dựng trạm bơm cấp 1 là 150.992,3 m².

- Tổng công suất của Dự án sau khi thực hiện nâng công suất là 130.000 m³/ngày đêm. Trong đó:

- + Nhà máy hiện hữu: công suất 30.000 m³/ngày đêm;
- + Phân kỳ 1: nâng công suất thêm 50.000 m³/ngày đêm;
- + Phân kỳ 2: nâng công suất thêm 50.000 m³/ngày đêm.

1.3. Công nghệ sản xuất

Nước mặt kênh Phước Hòa → Hồ trung gian → Trạm bơm cấp 1 → Bể trộn & PCLL → Bể phản ứng có lớp cặn lơ lửng → Bể lắng Lamella → Bể lọc nhanh → Bể chứa → Trạm bơm cấp II → Tuyến ống cấp nước.

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án đầu tư

Các hạng mục đã đầu tư xây dựng và đang vận hành của Nhà máy hiện hữu và dự kiến xây dựng nằm trong diện tích là 325.433,3 m², trong đó đất xây khu vực nhà máy nước có diện tích 174.441 m²; đất xây dựng trạm bơm cấp 1 là 150.992,3 m².

Các hạng mục công trình hiện hữu, cải tạo và xây dựng, lắp đặt mới được thể hiện như bảng sau:

STT	Tên hạng mục	Nhà máy hiện hữu (đơn vị tính m ³ /ngày.đêm)	Phân kỳ 1 (đơn vị tính: m ³ /ngày.đêm)	Phân kỳ 2 (đơn vị tính: m ³ /ngày.đêm)	Tổng (đơn vị tính: m ³ /ngày.đêm)
I	Tuyến ống nước thô tự chảy	- Tuyến ống D1800: dài 980 mét. - Tuyến ống D2500: dài 950 mét.	Giữ nguyên	Giữ nguyên	Giữ nguyên
II	Hồ trung gian	Diện tích: 11.325 m ² , thể tích: 60.000 m ³ .	Giữ nguyên	Giữ nguyên	Giữ nguyên
III	Trạm bơm cấp 1	05 máy bơm	Lắp đặt thêm 05 máy bơm		10 máy bơm
IV	Tuyến ống dẫn nước thô áp lực	D800 dài 8.350 mét	Giữ nguyên	Giữ nguyên	Giữ nguyên
V	Nhà máy xử lý nước sạch				
1	Bể trộn	30.000	100.000	-	130.000 m ³ /ngày đêm
2	Bể phản ứng - lắng	30.000	Xây dựng: 100.000	-	Công suất vận hành: 130.000
			Công suất vận hành: 50.000	Công suất vận hành: 50.000	
3	Bể lọc	30.000	Xây dựng 50.000	Xây dựng 50.000	Công suất vận hành: 130.000
4	Bể chứa	7.000 m ³	10.000 m ³	-	17.000 m ³
5	Nhà Clo	Phục vụ công suất 30.000	Xây dựng: 200.000	-	Công suất vận hành: 130.000

STT	Tên hạng mục	Nhà máy hiện hữu (đơn vị tính m ³ /ngày.đêm)	Phân kỳ 1 (đơn vị tính: m ³ /ngày.đêm)	Phân kỳ 2 (đơn vị tính: m ³ /ngày.đêm)	Tổng (đơn vị tính: m ³ /ngày.đêm)
			Lắp đặt thiết bị: 50.000	Lắp đặt thiết bị: 50.000	
6	Nhà hóa chất - kho hóa chất	Phục vụ công suất 30.000	Xây dựng: 200.000	-	Công suất vận hành: 130.000
			Lắp đặt thiết bị: 50.000	Lắp đặt thiết bị: 50.000	
7	Hồ lắng bùn	Phục vụ công suất 30.000	Xây dựng: 100.000	-	Công suất vận hành: 130.000
			Lắp đặt thiết bị: 50.000	Lắp đặt thiết bị: 50.000	
VII	Nâng cấp, cải tạo				
1	Trạm bơm cấp 2	Có sẵn thiết bị phục vụ công suất 30.000	Lắp đặt thiết bị: 50.000	Lắp đặt thiết bị: 50.000	Công suất vận hành: 130.000
2	Nhà Clo sơ bộ	Phục vụ công suất 30.000	Xây dựng mở rộng trên diện tích 35 m ²		
3	Nhà máy phát điện	Phục vụ công suất 30.000	Xây dựng mở rộng trên diện tích 40 m ²		

1.4.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a) Các công trình bảo vệ môi trường của Dự án đã được xây dựng, đang vận hành bao gồm

- Công trình thu gom và thoát nước mưa: hệ thống mương B600 thu nước mặt quanh khu vực công trình xây dựng và quanh khu vực nhà máy xử lý nước và trạm bơm nước thô.

- Công trình thu gom và thoát nước thải sinh hoạt: 03 bể tự hoại kiểu BASTAF 5 ngăn (01 bể tự hoại 05 ngăn đặt tại trạm bơm nước thô; 02 bể tự hoại 05 ngăn tại khu vực nhà máy với tổng dung tích các bể là 33,8 m³).

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất bằng 04 bể chứa bùn lắng (có kích thước 10mx20mx3,5m) và 01 bãi phơi chứa bùn có diện tích 1.600 m².

- Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại: có kho chứa chất thải công nghiệp thông thường có diện tích 20 m²; kho chất thải nguy hại diện tích 20 m² đặt tại khu vực nhà xử lý nước (sẽ được dỡ bỏ sau khi hoàn thành phân kỳ 1).

- Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: tháp trung hòa khí Clo bố trí tại khu vực nhà máy xử lý nước và khu vực Trạm bơm để hấp thụ khí Clo rò rỉ trong nhà Clo bằng NaOH; hệ thống các biển báo, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.

b) Các công trình bảo vệ môi trường sẽ được xây dựng

- Xây dựng bổ sung 02 hồ lắng bùn (kích thước LxBxH=12x36x1,2m) phục vụ xử lý nước thải sản xuất sau khi nâng công suất.

- Xây dựng 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 20 m² cạnh khu vực Nhà hóa chất thay thế cho kho chất thải nguy hại tạm thời tại khu vực Nhà máy hiện hữu.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu

a) Giai đoạn thi công xây dựng Phân kỳ 1 và vận hành Nhà máy hiện hữu

- Hoạt động đào, đắp mặt bằng phục vụ xây dựng các hạng mục công trình xử lý nước cấp của Phân kỳ 1 phát sinh đất đá thải, bụi;
- Hoạt động xây dựng các hạng mục công trình xử lý nước cấp của Phân kỳ 1 phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt và nước thải khi thi công;
- Quá trình hàn, cắt cấu kiện khi lắp đặt máy móc, thiết bị phát sinh bụi, khí thải;
- Hoạt động của Nhà máy hiện hữu phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung; rủi ro, sự cố (sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ).

b) Giai đoạn thi công Phân kỳ 2 và vận hành Nhà máy sau khi hoàn thành Phân kỳ 1

- Quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị phát sinh bụi, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại;
- Hoạt động của Nhà máy hiện hữu phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung; rủi ro, sự cố (sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ).

2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động sản xuất nước sạch với công suất 130.000 m³/ngày đêm (với phân kỳ 1 là 80.000 m³/ngày đêm và đến phân kỳ 2 là 130.000 m³/ngày đêm), hoạt động sinh hoạt của công nhân, nhân viên làm việc tại Dự án phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung; rủi ro, sự cố môi trường liên quan đến vận hành Dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu

- Giai đoạn thi công xây dựng Phân kỳ 1 và vận hành Nhà máy hiện hữu:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 6,2 m³/ngày đêm (trong đó phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Phân kỳ 1 khoảng 5 m³/ngày; phát sinh từ hoạt động của 10 cán bộ công nhân viên Nhà máy hiện hữu là 1,2 m³/ngày đêm). Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, Nitrat, Amoni, Phosphat, dầu mỡ động thực vật, Coliform.

+ Nước thải từ quá trình thi công xây dựng bao gồm nước thải rửa xe, nước rửa dụng cụ thi công khoảng 2 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ khoáng.

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ hệ thống xử lý nước cấp, nước rửa lọc của Nhà máy hiện hữu phát sinh khoảng 180 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

+ Nước thải từ phòng thí nghiệm phát sinh khoảng 2,5 m³/năm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: PO₄³⁻, Cl⁻, SO₄²⁻, Ca²⁺, phenol.

- Giai đoạn thi công Phân kỳ 2 và vận hành Nhà máy sau khi hoàn thành Phân kỳ 1:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 3,4 m³/ngày đêm (trong đó phát sinh trong quá trình lắp đặt thiết bị của Phân kỳ 2 khoảng 1 m³/ngày; phát sinh từ hoạt động của 20 cán bộ công nhân viên nhà máy vận hành sau khi hoàn thành Phân kỳ 1 là 2,4 m³/ngày đêm). Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, Nitrat, Amoni, Phosphat, dầu mỡ động thực vật, Coliform.

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ hệ thống xử lý nước cấp, nước rửa lọc của việc vận hành sau khi hoàn thành Phân kỳ 1 phát sinh khoảng 480 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

+ Nước thải từ phòng thí nghiệm phát sinh khoảng 3 m³/năm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: PO₄³⁻, Cl⁻, SO₄²⁻, Ca²⁺, phenol.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân vận hành Dự án khoảng 2,4 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, Nitrat, Amoni, Phosphat, dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ hệ thống xử lý nước cấp, nước rửa lọc phát sinh khoảng 780 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

- Nước thải sản xuất chủ yếu là nước thải từ phòng thí nghiệm, khoảng 3 m³/năm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: PO₄³⁻, Cl⁻, SO₄²⁻, Ca²⁺, phenol.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu

- Giai đoạn thi công xây dựng Phân kỳ 1 và vận hành Nhà máy hiện hữu:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển san ủi, đào đắp, san gạt mặt bằng và từ các máy móc, phương tiện, thiết bị thi công xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, SO₂, NO_x, VOC.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, SO₂, NO_x, VOC.

+ Khí thải từ máy phát điện dự phòng của Nhà máy nước và Trạm bơm nước thô hiện hữu. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: NO_x, CO, CO₂, SO₂.

+ Hơi hoá chất từ quá trình hoạt động của Nhà máy hiện hữu. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Clo.

- Giai đoạn thi công Phân kỳ 2 và vận hành Nhà máy sau khi hoàn thành Phân kỳ 1:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, SO₂, NO_x, VOC.

+ Khí thải từ máy phát điện dự phòng của Nhà máy nước Bàu Bàng và Trạm bơm nước thô sau khi thực hiện phân kỳ 1. Thông số ô nhiễm đặc trưng: NO_x, CO, CO₂, SO₂.

+ Hơi hoá chất từ quá trình hoạt động của Nhà máy sau khi hoàn thành Phân kỳ 1. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Clo.

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, NO_x, CO, SO₂.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng của Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng: NO_x, CO, CO₂, SO₂.

- Hơi hoá chất từ quá trình hoạt động của Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Clo.

3.2. Chất thải rắn (CTR), chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTR

a) Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu

- Giai đoạn thi công xây dựng Phân kỳ 1 và vận hành Nhà máy hiện hữu:

+ CTR sinh hoạt khoảng 32,2 kg/ngày (trong đó chất thải sinh hoạt của công nhân thi công, xây dựng khoảng 29 kg/ngày; chất thải sinh hoạt của Nhà máy hiện hữu 3,2 kg/ngày). Thành phần chủ yếu gồm: thức ăn thừa, bao bì/chai

nhựa, túi ni lông.

+ Sinh khối từ hoạt động chuẩn bị mặt bằng xây dựng khoảng 4,34 tấn/giai đoạn xây dựng.

+ Nguyên vật liệu, phế thải từ quá trình xây dựng khoảng 20,17 tấn/giai đoạn xây dựng. Thành phần chủ yếu gồm: vật liệu rơi vãi, đá, cát, gạch vỡ, bê tông thừa, vỏ bao bì, xà bần, pallet.

+ CTR công nghiệp thông thường: bùn từ quá trình lắng, rửa lọc, vệ sinh các bể trong trạm xử lý nước cấp của Nhà máy hiện hữu khoảng 524 m³/năm, bùn từ hoạt động xả cặn hồ lắng khoảng 1.200 kg/năm; cặn vôi thải từ quá trình xử lý nước cấp 8,8 kg/ngày; các CTR công nghiệp thông thường khác phát sinh từ hoạt động của khu vực văn phòng (không có các thành phần nguy hại): 12 kg/năm.

- Giai đoạn thi công xây dựng Phân kỳ 2 và vận hành Nhà máy sau khi hoàn thành Phân kỳ 1:

+ CTR sinh hoạt khoảng 12,3 kg/ngày (trong đó chất thải sinh hoạt của công nhân thi công, xây dựng khoảng 5,8 kg/ngày; chất thải sinh hoạt của Nhà máy hiện hữu sau phân kỳ 1 là 6,5 kg/ngày). Thành phần chủ yếu gồm: thức ăn thừa, bao bì/chai nhựa, túi ni lông.

+ CTR công nghiệp thông thường: Bùn từ quá trình lắng, rửa lọc, vệ sinh các bể trong trạm xử lý nước cấp: 1.397 m³/năm; bùn từ hoạt động xả cặn hồ lắng khoảng 1.200 kg/năm; cặn vôi thải từ quá trình xử lý nước cấp là 23,5 kg/ngày; các CTR công nghiệp khác phát sinh từ hoạt động của văn phòng (không có các thành phần nguy hại): 12 kg/năm.

b) Giai đoạn vận hành

- CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 6,5 kg/ngày, tương đương 2.400 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: thức ăn thừa, bao bì/chai nhựa, túi ni lông.

- CTR công nghiệp thông thường: bùn từ quá trình lắng, rửa lọc, vệ sinh các bể trong trạm xử lý nước cấp: 2.270 m³/năm; bùn từ hoạt động xả cặn hồ lắng: 1.200 kg/năm; cặn vôi thải từ quá trình xử lý nước cấp là 38,25 kg/ngày; các CTR công nghiệp khác phát sinh từ hoạt động của văn phòng (không có các thành phần nguy hại): 12 kg/năm.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH

a) Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu

- Giai đoạn thi công xây dựng Phân kỳ 1 và vận hành Nhà máy hiện hữu:

+ CTNH phát sinh gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, thùng đựng dầu,... phát sinh trong quá trình thi công Phân kỳ 1 là khoảng 20 kg/tháng.

+ CTNH phát sinh tại Nhà máy hiện hữu là 4,7 kg/tháng, chủ yếu là hộp chứa mực in, pin, giẻ lau dính các thành phần nguy hại.

- Giai đoạn thi công xây dựng Phân kỳ 2 và vận hành Nhà máy sau khi hoàn thành Phân kỳ 1:

+ CTNH phát sinh gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, thùng đựng dầu,... phát sinh trong quá trình thi công Phân kỳ 2 của dự án là 3 kg/tháng.

+ CTNH phát sinh từ hoạt động vận hành, gồm: hộp chứa mực in, bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải, cặn sơn, sơn và vecni thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại,... phát sinh khoảng 161 kg/năm.

b) Giai đoạn vận hành

CTNH phát sinh từ hoạt động vận hành, gồm: hộp chứa mực in, bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải, cặn sơn, sơn và vecni thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại,... phát sinh khoảng 254 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động hàn cắt, lắp đặt máy móc thiết bị; hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình xử lý nước của Nhà máy hiện hữu; hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực Nhà máy.

b) Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị sản xuất và các phương tiện giao thông ra vào khu vực Nhà máy.

3.4. Các tác động khác

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực Dự án phát sinh với lưu lượng khoảng 0,94 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

- Quá trình vận hành Dự án có khả năng xảy ra sự cố môi trường liên quan như sự cố cháy nổ; sự cố hóa chất; sự cố đối với khu lưu giữ CTR, CTNH và tác động tới các công trình khai thác, sử dụng cùng nguồn nước.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu diễn ra trong thời gian ngắn; tại Phân kỳ 2 chỉ thực hiện lắp đặt bổ sung một số máy móc, thiết bị, Chủ dự án đề xuất thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường tương ứng với 02 giai đoạn chính là giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành Dự án như sau:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu

- Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân: thu gom bằng 01 nhà vệ sinh di động (05 buồng, tổng dung tích khoảng 2 m³) và thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân trong quá trình thi công, xây dựng: Nước thải → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị thu gom, xử lý.

- Đối với nước thải sinh hoạt của Nhà máy hiện hữu: toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về các bể tự hoại 05 ngăn (có thể tích 33,8 m³) đã được xây dựng tại khu vực Nhà máy hiện hữu; khi có dấu hiệu đầy, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Quy trình xử lý: Nước thải → Bể tự hoại 05 ngăn → Chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với nước thải xây dựng:

Nước thải xây dựng được thu gom vào 02 hố lắng cặn, tách dầu mỡ (kích thước mỗi hố LxBxH = 2x2x2m) sau đó được tuần hoàn sử dụng lại phục vụ quá trình rửa xe, trộn vữa, bê tông và làm nước tưới đường đập bụi. Quy trình thu gom và xử lý nước thải xây dựng như sau: Nước thải → Hố lắng → Tái sử dụng rửa xe, trộn vữa, bê tông dùng trong các hoạt động xây dựng Dự án.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ Nhà máy hiện hữu được thu gom, dẫn về 04 bể chứa bùn lắng (có kích thước LxBxH=10x20x3,5m) và 01 bãi phơi chứa bùn có diện tích 1.600 m² để lắng cặn. Nước sau lắng cặn được thu hồi về bể thu hồi, sau đó bơm lên bể trộn để phục vụ sản xuất nước sạch.

+ Nước thải từ phòng thí nghiệm được thu gom vào các can chứa, đặt tại kho chứa CTNH rộng 20 m², sau đó chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với nước thải sinh hoạt: toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về các bể tự hoại 05 ngăn (có thể tích 33,8 m³) đã được xây dựng tại khu vực Nhà máy hiện hữu; sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Quy trình xử lý: Nước thải → Bể tự hoại 05 ngăn → Chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Quy trình xử lý chung: Nước thải → Hồ lắng bùn → Bể thu hồi nước sau lắng bùn → Bơm về bể trộn của hệ thống xử lý nước sạch.

+ Đối với Nhà máy hiện hữu (công suất 30.000 m³/ngày đêm), nước thải sản xuất phát sinh được thu gom, dẫn về 04 bể chứa bùn lắng (có kích thước LxBxH=10x20x3,5m) và 01 bãi phơi chứa bùn có diện tích 1.600 m² để lắng cặn. Nước sau xử lý được thu hồi về bể thu hồi, sau đó bơm lên bể trộn để phục

vụ sản xuất nước sạch.

+ Đối với Nhà máy xây dựng mới (công suất 100.000 m³/ngày đêm), nước thải sản xuất phát sinh được thu gom về 02 hồ lắng bùn (kích thước LxBxH=12x36x1,2m). Nước sau xử lý được thu hồi về bể thu hồi, sau đó bơm lên bể trộn để phục vụ sản xuất nước sạch.

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của phòng thí nghiệm được thu gom, quản lý như CTNH và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Quy trình xử lý: Nước thải → Thiết bị lưu chứa → Chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện thu gom toàn bộ nước thải phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường trong quá trình triển khai Dự án; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân trong khi làm việc. Thường xuyên vệ sinh sân bãi, tưới nước mặt đường (02 lần/ngày vào mùa khô).

- Xây dựng nội quy đối với công nhân thi công tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Sử dụng phương tiện được đăng kiểm theo quy định để vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị; định kỳ bảo dưỡng các phương tiện.

- Trồng và duy trì chăm sóc cây xanh trong khuôn viên Nhà máy hiện hữu để giảm thiểu khả năng bụi, khí thải phát tán.

- Sử dụng các máy phát điện được trang bị mô-đun xử lý khí thải đồng bộ.

- Nhà kho chứa hóa chất được bố trí độc lập, tách biệt với khu vực xung quanh. Kho chứa hóa chất có tường, mái che, nền cao hơn mặt sân hiện hữu tránh nước mưa xâm nhập phản ứng với hóa chất gây mùi.

- Thường xuyên vệ sinh khu vực lưu trữ CTR đảm bảo không phát sinh mùi hôi.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: trồng cây xanh đảm bảo đạt tỷ lệ diện tích theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, mùi hôi trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo môi trường không khí Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý CTR, CTNH

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR

a) Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu

- Chất thải sinh hoạt của công nhân được thu gom bằng thùng chứa đặt tại 03 vị trí (khu vực thi công, khu điều hành và khu vực nghỉ ngơi của công nhân);

ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Số lượng thùng chứa chất thải sinh hoạt là 2 thùng loại 120 lít tại mỗi vị trí.

- CTR thi công: tập kết tại 1 vị trí tại mỗi công trường thi công (diện tích 20 m²) và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- CTR công nghiệp thông thường: được thu gom về khu vực chứa chất thải có diện tích 20 m² trong Nhà máy hiện hữu và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- CTR sinh hoạt từ Nhà máy hiện hữu: được thu gom, phân loại tại các thùng rác nhựa có nắp đậy (120 - 200 lít/thùng), đưa về điểm tập kết và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- CTR sinh hoạt được thu gom, phân loại tại các thùng rác nhựa có nắp đậy (120 - 200 lít/thùng), đưa về điểm tập kết và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- CTR công nghiệp thông thường: được thu gom về khu vực chứa chất thải có diện tích 20 m² trong Nhà máy hiện hữu và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

a) Giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu

- CTNH được thu gom, lưu trữ trong các thiết bị và khi lưu giữ tạm thời tại Dự án; sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Số lượng thùng chứa CTNH bổ sung là 4 thùng chứa loại 120 lít. Khu vực lưu giữ tạm thời CTNH diện tích 20 m² đã có tại khu vực Nhà máy hiện hữu.

- CTNH tại trạm bơm nước thô được thu gom vào 02 thùng chứa loại 120 lít, đặt tại Nhà hóa chất của trạm bơm nước thô, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

b) Giai đoạn vận hành

- Tại Khu vực Nhà máy: các loại CTNH phát sinh được thu gom, phân loại vào các thùng chứa có nắp đậy, dán biển cảnh báo, ghi rõ mã chất thải, tên từng loại CTNH, tập kết vào kho chứa CTNH được xây dựng mới có diện tích 20 m², được bố trí cạnh Nhà hóa chất; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định

- Tại Trạm bơm nước thô: CTNH được thu gom và lưu giữ vào thùng chứa đặt trong khu vực có mái che trong khu vực Nhà hóa chất của trạm bơm nước thô, thùng chứa dán biển cảnh báo CTNH; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện phân loại, thu gom, chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý các loại chất thải sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Bố trí thời gian, phương án cải tạo, lắp đặt máy móc thiết bị hợp lý; sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công.

- Duy trì và chăm sóc cây xanh theo đúng diện tích quy định; không thi công hàn cắt vào ban đêm và giờ nghỉ trưa.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong các giai đoạn của Dự án bảo đảm đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thoát nước mưa chảy tràn: hệ thống thu gom, thoát nước mưa được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Thoát nước mưa cho dự án qua hệ thống hố ga, mương dẫn B600 thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, CTNH: kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

- + Xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định và tổ chức thực hiện; tuân thủ quy định về an toàn trong vận chuyển, tiếp nhận, bảo quản, lưu trữ hóa chất.

- + Đối với sự cố rò rỉ Clo trong Nhà chứa Clo: lắp đặt hệ thống tháp trung hòa xử lý hơi Clo (02 tháp hấp thụ Clo bằng NaOH, công suất quạt hút 60 m³/phút và ống thoát khí). Trong trường hợp sự cố, cảm biến nồng độ Clo trong Nhà chứa Clo sẽ kích hoạt hệ thống quạt hút và vận hành các tháp hấp thụ, bảo đảm giảm thiểu hơi Clo thoát ra môi trường.

- + Khi vận hành các tháp hấp thụ Clo, Chủ dự án có trách nhiệm kiểm soát chất lượng khí thải từ tháp trung hòa xử lý hơi Clo, bảo đảm đạt QCVN

19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột C trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường trong quá trình triển khai Dự án như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu tại mục 4 Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Đối với nước thải

Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ nước thải.

5.2.2. Đối với khí thải

Theo quy định tại Điều 98 và Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục; quan trắc khí thải định kỳ.

5.2.3. Đối với CTR, CTNH

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và các quy định của Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Tổ chức khai thác nước mặt theo đúng vị trí, khối lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; thực hiện giám sát chất lượng nước thô và nước cấp sau xử lý theo quy định tại Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình và triển khai Dự án; bảo đảm đáp ứng QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan khác. Nghiên cứu, thực hiện Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh có hiệu lực thi hành từ ngày 14/11/2025.

- Đảm bảo các yêu cầu về hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; trong quá trình triển khai Dự án phải bảo đảm hoạt động khai thác nước không gây xói lở lòng, bờ kênh Phước Hòa tại khu vực điểm lấy nước.

- Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, số liệu tính toán, đo đạc của các hạng mục, công trình, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Tuân thủ các quy định về phòng chống cháy, nổ; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phòng ngừa và phòng chống cháy, nổ đối với công nhân viên.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không bảo đảm công tác bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án theo quy định của pháp luật.

- Thiết lập mô hình quản lý và bảo đảm nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường; đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo quy định của pháp luật về môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin, số liệu và nhân sự thực hiện được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./.